

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2025
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nữ và bà Nguyễn Thị Lệ Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Quang C**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: Bà **Võ Thị Phương L**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B

(Các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày: Ông và bà L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cả hai sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, chửi bới xúc phạm lẫn nhau. Đến năm 2010 thì cả hai không còn sống chung với nhau nữa. Nay ông không còn tình cảm với bà L nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 04 con chung là Phạm Thị Kim Th, sinh năm 1992; Phạm Thị Kim Th1, sinh năm 1994; Phạm Quang Th2, sinh năm 1996; Phạm Thị Kim Th3 sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Phương L trình bày: Bà và ông C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Cả hai sống chung hạnh phúc được vài năm thì ông C đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Khoảng năm 2008 thì cả hai không còn sống chung với nhau. Nay ông C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà thì bà thống nhất. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông C có 04 con chung là Phạm Thị Kim Th1, sinh năm 1992; Phạm Thị Kim Th2, sinh năm 1994; Phạm Quang Th3, sinh năm 1996; Phạm Thị Kim Th4 sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà L; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Quang C khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Võ Thị Phương L nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Võ Thị Phương L có nơi cư trú tại thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm

Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Ông C và bà L đều thừa nhận rằng cả hai sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Lời khai của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và phù hợp với chứng cứ là CCCD của con chung Phạm Thị Kim Th1, sinh năm 1992 do ông C cung cấp. Như vậy, có căn cứ để xác định rằng ông C và bà L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 mà không đăng ký kết hôn. Mặt khác, các đương sự cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay.

[5] Xét thấy, tại thời điểm sống chung, ông C và bà L đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...” Do đó, việc sống chung giữa ông C và bà L không được pháp luật công nhận và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay, ông C và bà L không còn sống chung với nhau và đều có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà L.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống ông C và bà L có 04 con chung là Phạm Thị Kim Th1, sinh năm 1992; Phạm Thị Kim Th2, sinh năm 1994; Phạm Quang Th3, sinh năm 1996; Phạm Thị Kim Th4 sinh năm 1999. Các đương sự thống nhất trình bày các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang C đối với bà Võ Thị Phương L về việc “Ly hôn”

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Quang C và bà Võ Thị Phương L.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Ông Phạm Quang C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011228 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Ông C đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thắng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

